TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/HNGĐ - ST
Ngày 11-02-2026
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thịnh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nam và ông Nguyễn Văn Bẩy.
Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P; địa chỉ cư trú: khu Đ, phường A, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn D; địa chỉ cư trú: khu T, phường B, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện nay: Cộng hòa Liên bang Nga (không rõ địa chỉ), vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bà Bùi Thị L; địa chỉ cư trú: tổ dân phố H, phường T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P kết hôn với anh Phạm Văn D vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Tiến, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay UBND phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống tại xã H, huyện C, tỉnh Hải Dương; đến năm 2011 vợ chồng chị chuyển về sinh sống tại thôn Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là khu Đ, phường A, tỉnh Quảng Ninh). Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi mắng, xúc phạm nhau; vợ chồng chị đã sống ly thân từ khoảng tháng 8 năm 2023 cho đến nay, khi ly thân mỗi người

sống một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị đã được gia đình hai bên động viên, hoà giải nhưng không có kết quả. Nay chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn D.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Văn D có 02 con chung tên là Phạm Ngọc A, sinh ngày 09/11/1997 và Phạm Hồng N, sinh ngày 22/12/2002; hiện nay các con chung đều đã thành niên, phát triển bình thường nên chị P không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị P không đề nghị Toà án giải quyết.

**** Đối với bị đơn anh Phạm Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần lên Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh D không đến làm việc.***

**** Người làm chứng bà Bùi Thị L trình bày:*** Bà L là mẹ đẻ của anh Phạm Văn D. Anh Phạm Văn D kết hôn với chị Nguyễn Thị P vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Tiến, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh D và chị P về sinh sống cùng vợ chồng bà tại xã H, huyện C, tỉnh Hải Dương. Đến năm 2011, anh D và chị P chuyển về sinh sống tại thôn Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng anh D và chị P có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể như thế nào thì bà không nắm được, chỉ thấy có xảy ra cãi mắng, xúc phạm nhau. Tháng 8 năm 2023, anh D đi lao động tại Cộng hòa Liên bang Nga, tuy nhiên địa chỉ cụ thể bên Nga như thế nào thì bà không nắm được. Thỉnh thoảng anh D có điện thoại về cho gia đình. Việc chị P đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh D, quan điểm của bà là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh D và chị P có 02 con chung tên là Phạm Ngọc A, sinh năm 1997 và Phạm Hồng N, sinh năm 2002; hiện nay các con chung đều đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung của anh D và chị P, bà L không nắm được.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2025, bà Bùi Thị L cho biết: Bà L đã được Tòa án nhân dân khu vực 5 – Quảng Ninh giao Thông báo về việc thụ lý vụ án số 105/2025/TB-TLVA ngày 15/10/2025; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 01/TB-TA ngày 04/11/2025; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 02/TB-TA ngày 24/11/2025; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 01/TB-TA ngày 12/12/2025. Sau khi nhận được các văn bản trên của Tòa án, bà đều thông báo cho anh D biết (gọi qua điện thoại) về nội dung các văn bản trên của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Quảng Ninh, cụ thể: về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P đề nghị giải quyết ly hôn với anh Phạm Văn D; về con chung: Chị P và anh D có 02 con chung là Phạm Ngọc A, sinh năm 1997 và Phạm Hồng N, sinh năm 2002, hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên chị P không đề nghị Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Chị P không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh D có nói với bà L, việc ly hôn anh D mong muốn vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên nếu chị P cương quyết ly hôn thì anh D cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về con chung, tài sản chung

và nợ chung: anh D nhất trí với nội dung chị P trình bày. Bà L có hỏi địa chỉ nơi ở, nơi làm việc của anh D tại Cộng hòa Liên bang Nga nhưng anh D không cung cấp thông tin.

* Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, ông Vũ Xuân Đ cho biết: Chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Văn D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Tiến, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng) trên cơ sở tự nguyện vào năm 1997. Sau khi kết hôn, chị P và anh D sinh sống tại xã H, huyện C, tỉnh Hải Dương đến năm 2011 thì chuyển về sinh sống tại thôn Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là khu Đ, phường A, tỉnh Quảng Ninh). Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể như thế nào thì ông không nắm được chỉ biết rằng hiện nay anh D đang đi lao động tại Nga, còn chị P sinh sống tại địa phương. Về con chung: Chị P và anh D có 02 con chung là Phạm Ngọc A, sinh năm 1997 và Phạm Hồng N, sinh năm 2002, hiện nay các con chung đều đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung của chị P và anh D, ông Đ không nắm được. Việc chị P đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh D, quan điểm của ông Đ là đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết. Ngoài ra, ông Đ cũng cho biết: trên địa bàn phường A, tỉnh Quảng Ninh hiện nay anh D không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý.

* Tại Công văn số: 4978/XNC(Đ1) ngày 03/12/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Quảng Ninh cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Phạm Văn D như sau: trường hợp Phạm Văn D, sinh ngày 16/4/1974: xuất cảnh ngày 05/8/2023 qua cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Nội Bài bằng hộ chiếu số P02282457, chưa có thông tin nhập cảnh Việt Nam.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giải quyết cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Phạm Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị P thì đây là vụ án "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn D có địa chỉ cư trú tại khu Đ, phường A, tỉnh Quảng Ninh

và hiện đang sinh sống, làm việc tại Cộng hòa Liên bang Nga nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự: bị đơn anh Phạm Văn D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Toà án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Toà án cho người thân trong gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương nơi anh Phạm Văn D đăng ký thường trú. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Công văn số: 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân tối cao cũng như tại Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Văn D tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa chị P và anh D có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra cãi mắng, chửi bới, xúc phạm nhau. Chị P và anh D hiện nay đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị P đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh D vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh D đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D không đến Toà án làm việc và cũng không có quan điểm về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào lời trình bày của chị P cũng như các tài liệu Toà án thu thập được, xét thấy giữa chị P và anh D có mâu thuẫn, cả hai hiện nay đã sống ly thân (anh D không có mặt tại địa phương, hiện nay anh D đang lao động, sinh sống tại Cộng hòa Liên bang Nga). Chị P và anh D không còn sống chung, vợ chồng không còn thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần, không cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị P và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị P được ly hôn anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 và Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Văn D có hai con chung là cháu Phạm Ngọc A, sinh ngày 09/11/1997 và Phạm Hồng N, sinh ngày 22/12/2002; hiện nay các con chung đều đã thành niên, phát triển bình thường nên chị P không đề nghị Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Quảng Ninh về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: *chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Phạm Văn D.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001195 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Phạm Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Viện KSND khu vực 5 - Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH (UBND phường An Sinh, tỉnh Quảng Ninh);
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Thịnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Xuân Giới **Lương Xuân Sớm** **Tô Thị Thịnh**